

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 50/2001/TT-BNN-
XDCB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 5 năm 2001

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện quy chế đấu thầu đối với các dự án đầu tư
thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01/9/1999 và số 14/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ về Quy chế đấu thầu;

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY CHẾ ĐẤU THẦU
ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NHƯ SAU:
PHẦN I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hồ sơ mời thầu:

Đối với đấu thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu theo mẫu chung do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 113/2000/QĐ/BNN-XDCB ngày 6/11/2000.

Đối với các trường hợp đấu thầu khác, Bên mời thầu cần căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá mà đưa ra yêu cầu cụ thể trong hồ sơ mời thầu để Nhà thầu có thể lập được hồ sơ dự thầu đầy đủ, chi tiết. Những vấn đề khác với mẫu chung cần đưa thành phụ lục riêng, bổ sung vào hồ sơ mời thầu mẫu.

Kèm theo bản vẽ thiết kế phải có bản kê khối lượng. Nhà thầu có trách nhiệm tính toán và kiểm tra kỹ khối lượng này, nếu có sai khác phải đề nghị Bên mời thầu làm rõ trước khi lập giá dự thầu. Trường hợp không kiểm tra kỹ, bỏ sót khối lượng nhưng vẫn định giá dự thầu, nếu được trúng thầu thì giá trị khối lượng bỏ sót đó không được bổ sung, thanh toán.

2. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu:

Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu theo quy định trong Quy chế đấu thầu của Chính phủ, Thông tư số 04/2000/TT-BKH ngày 26/5/2000 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và được cụ thể hoá tại các phụ lục sau:

Phụ lục 1 Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu tuyển chọn tư vấn.

Phụ lục 2 Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu sơ tuyển xây lắp.

Phụ lục 3 Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp.

Phụ lục 4 Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp gói thầu quy mô nhỏ.

Tùy theo tính chất, đặc điểm và yêu cầu của từng gói thầu mà có thể điều chỉnh tăng, giảm hoặc chi tiết thêm các tiêu chuẩn trong phạm vi mức quy định chung.

3. Nộp, tiếp nhận và quản lý hồ sơ dự thầu:

3.1 Số bộ hồ sơ dự thầu phải nộp theo quy định sau:

Bốn bộ (04): 01 bộ bản gốc, 03 bộ bản sao đối với những gói thầu do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kết quả đấu thầu, gói thầu đấu thầu quốc tế hoặc gói thầu có yêu cầu đặc biệt.

Ba bộ (03): 01 bộ bản gốc, 02 bộ bản sao đối với những gói thầu còn lại.

3.2 Nhà thầu phải niêm phong, ghi nhãn từng bộ hồ sơ và từng túi hồ sơ dự thầu. Tùy đặc điểm của từng gói thầu mà việc niêm phong ghi nhãn sẽ được quy định cụ thể thêm trong hồ sơ mời thầu.

3.3 Khi tiếp nhận hồ sơ dự thầu, Bên mời thầu và Nhà thầu phải cùng ký văn bản giao nhận, ghi rõ thời điểm nộp, số bộ hồ sơ v...v. Không nhận hồ sơ dự thầu trong các trường hợp: Nộp sau giờ đóng thầu, hồ sơ không đầy đủ dấu niêm phong, không đủ số bộ theo yêu cầu, không ghi nhãn.

Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật hồ sơ dự thầu đã nộp theo quy định tại điều **56** của Quy chế đấu thầu.

Sau khi xét thầu, Bên mời thầu phải gửi 01 bộ bản sao còn nguyên niêm phong của các Nhà thầu tham dự cùng tờ trình xin duyệt kết quả đấu thầu và các hồ sơ kèm theo về cơ quan thẩm định.

4. Chào lại giá dự thầu tại chỗ:

Tại buổi mở thầu, trước khi công bố giá gói thầu, nếu giá dự thầu của tất cả các Nhà thầu đều vượt giá gói thầu được duyệt thì Bên mời thầu phải tổ chức (*chỉ 1 lần*) ngay tại chỗ cho các Nhà thầu chào lại giá bỏ trong phong bì dán kín và coi đây là giá dự thầu chính thức để xét thầu. Người đứng tên ký đơn dự thầu phải ký văn bản xác định giá chào lại này thay thế giá đã chào trước đây.

5. Xếp hạng, xét chọn và trình duyệt kết quả đấu thầu:

Việc đánh giá, xếp hạng, xét chọn nhà thầu trúng thầu, phải căn cứ nội dung hồ sơ mời thầu và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu được duyệt.

Giá trúng thầu là giá đánh giá thấp nhất được xác định trên cơ sở giá dự thầu thấp hợp lý (yêu cầu kỹ thuật đáp ứng hồ sơ mời thầu, khối lượng đầy đủ và chính xác, đơn giá hợp lý) và các yếu tố liên quan khác.

Kết quả xếp hạng và mọi diễn biến trong quá trình xét thầu phải được lập thành hồ sơ, các thành viên tổ chuyên gia tham gia xét thầu cùng ký tên vào biên bản chấm thầu. Đối với gói thầu thuộc dự án Thuỷ lợi sử dụng vốn ADB, WB... thì CPO cùng SPO, SIO thực hiện theo các Quyết định số 123/2000/QĐ/BNN-TCCB ngày 27/11/2000 và số 124/2000/QĐ/BNN-TCCB ngày 27/11/2000 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn.

6. Công bố kết quả đấu thầu, thương thảo ký kết hợp đồng:

6.1 Ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, Bên mời thầu gửi thông báo tới tất cả các Nhà thầu tham dự. Đồng thời, gửi ngay tới nhà thầu trúng thầu thông báo giá trúng thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng, dự thảo hợp đồng, các vấn đề cần thương thảo, thời gian thương thảo. Các CPO báo cáo kịp thời kết quả đấu thầu, nội dung hợp đồng tới ADB, WB... theo quy định của Ngân hàng cho vay. Trong phạm vi không quá 30 ngày kể từ ngày công bố kết quả đấu thầu, nếu Nhà thầu trúng thầu từ chối thực hiện hợp đồng, Bên mời thầu sẽ không trả lại bảo lãnh dự thầu cho Nhà thầu đó và được quyền lựa chọn Nhà thầu xếp hạng kế tiếp trúng thầu, trình người có thẩm quyền quyết định.

6.2 Theo lịch biểu đã thống nhất, Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu tiến hành thương thảo cụ thể các điều khoản hợp đồng, hoàn thiện các số liệu tính giá dự thầu và xác định giá ký hợp đồng, không vượt giá trúng thầu được duyệt.

7. Chỉ định thầu: Hình thức này chỉ áp dụng cho các trường hợp đặc biệt theo quy định tại khoản 2 điều 1 Nghị định 14/2000/NĐ-CP ngày 5/5/2000. Nhà thầu phải có đơn xin được chỉ định thầu kèm theo hồ sơ pháp lý và thông tin năng lực. Nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ thiết kế, kiểm tra kỹ khối lượng và dự toán để xác định giá xin nhận thầu ghi trong đơn.

PHẦN II

ĐẤU THẦU THIẾT KẾ XÂY DỰNG

Đấu thầu thiết kế xây dựng nhằm lựa chọn nhà thầu thực hiện đồng thời cả lập thiết kế kỹ thuật, dự toán và thi công xây dựng công trình theo hợp đồng chia khoá trao tay. Trường hợp sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh hoặc vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thì chỉ thực hiện đối với dự án nhóm C.

1. Mục đích:

Đấu thầu thiết kế xây dựng chủ yếu dành cho các công trình quy mô nhỏ, không có yêu cầu phức tạp về kỹ thuật, dễ dàng đánh giá hoàn công, nhằm mục đích:

Giảm bớt thủ tục và thời gian, sớm đưa công trình vào thi công và khai thác, sử dụng.

Giảm bớt giá thành công trình do có sự kết hợp chặt chẽ giữa thiết kế và xây dựng.

2. Phương thức đấu thầu:

2.1 Đấu thầu 2 giai đoạn: áp dụng cho trường hợp có đủ 2 điều kiện:

Công trình kỹ thuật thông thường hoặc đã có công trình tương tự được xây dựng trong điều kiện địa hình, địa chất tương tự.

Giá gói thầu ≥ 2 tỉ đồng.

2.2 Đấu thầu 1 giai đoạn: áp dụng cho trường hợp có đủ 2 điều kiện:

Công trình kỹ thuật đơn giản có phương án thiết kế (thiết kế sơ bộ) đã được thông qua hoặc sử dụng thiết kế điển hình, thiết kế mẫu, thiết kế có sẵn, thiết kế dùng lại,... được xây dựng trong điều kiện địa hình, địa chất đơn giản.

Giá gói thầu < 2 tỉ đồng.

3. Duyệt kế hoạch đấu thầu:

Trước khi tổ chức đấu thầu, Chủ đầu tư phải trình người có thẩm quyền duyệt kế hoạch đấu thầu thiết kế xây dựng. Trong đó, cần ghi rõ lý do xin đấu thầu 1 giai đoạn hay 2 giai đoạn.

4. Giá gói thầu, giá dự thầu:

Giá gói thầu bao gồm cả chi phí thiết kế và chi phí xây lắp.

Giá dự thầu phải lập rõ 2 phần: giá dự thầu thiết kế và giá dự thầu xây lắp. Nhà thầu có thể giảm giá bằng cách không tính giá thiết kế.

5. Điều kiện dự thầu:

Để được dự thầu, Nhà thầu chuyên ngành xây dựng phù hợp với tính chất gói thầu cần có 1 trong các điều kiện sau đây:

Nhà thầu Thiết kế và Xây lắp (có đăng ký kinh doanh cả thiết kế và xây lắp).

Liên danh Nhà thầu thiết kế với Nhà thầu xây lắp.

Nhà thầu xây lắp có thầu phụ là Nhà thầu thiết kế (Nhà thầu thiết kế có thể đồng thời làm thầu phụ cho những Nhà thầu xây lắp khác nhau).

6. Hồ sơ mời thầu:

Trên cơ sở hồ sơ mời thầu xây lắp mẫu đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 113/2000/QĐ/BNV-NDP ngày 6/11/2000, Bên mời thầu bổ sung các yêu cầu, số liệu, hồ sơ cần thiết để Nhà thầu có thể lập được hồ sơ dự thầu gồm cả phần thiết kế kỹ thuật, dự toán và phần thi công xây dựng theo các quy định hiện hành. Ngoài ra, cung cấp thêm số liệu, tài liệu khí tượng thủy văn, địa hình, địa chất... đã thu thập trong giai đoạn trước (nếu có) để Nhà thầu tham khảo.

7. Trình tự xét thầu:

7.1 Đấu thầu 2 giai đoạn:

7.1.1 Giai đoạn 1:

Chọn phương án thiết kế tốt nhất hoặc phối hợp các phương án để chọn ra phương án tối ưu và sơ bộ xem xét giá phương án chọn.

Trình cấp có thẩm quyền thông qua phương án chọn.

7.1.2 Giai đoạn 2:

Các Nhà thầu tham gia trong giai đoạn 1 căn cứ vào phương án thiết kế đã được thông qua mà lập thiết kế kỹ thuật dự toán và hồ sơ dự thầu xây lắp hoàn chỉnh.

Căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp để đánh giá hồ sơ dự thầu của các Nhà thầu.

Nhà thầu nào đạt trên 70% tổng số điểm về mặt kỹ thuật và có giá đánh giá thấp nhất sẽ được xem xét trúng thầu. Trường hợp nhiều Nhà thầu cùng có giá đánh giá thấp chênh lệch nhau không quá 3% thì Nhà thầu có phương án thiết kế đã được chọn sẽ được xem xét trúng thầu.

7.2 Đấu thầu 1 giai đoạn:

Trên cơ sở yêu cầu thiết kế đã nêu trong hồ sơ mời thầu, các Nhà thầu lập thiết kế kỹ thuật dự toán và lập hồ sơ dự thầu xây lắp hoàn chỉnh.

Nhà thầu nào đạt về mặt kỹ thuật và có giá dự thầu thấp nhất sau khi đã chỉnh sửa sẽ được xem xét trúng thầu.

8. Phê duyệt kết quả đấu thầu và ký kết hợp đồng:

Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu gồm 2 nội dung: Phê duyệt thiết kế kỹ thuật và phê duyệt kết quả đấu thầu thiết kế xây dựng. Trên cơ sở này, Bên mời thầu ký kết hợp đồng chia khoá trao tay với Nhà thầu trúng thầu.

PHẦN III

HIỆU LỰC THI HÀNH

Thông tư này thay thế các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 08 NN-ĐTXD/TT ngày 20/9/1997 và số 19/1999/BNN-ĐTXD ngày 26/01/1999 Hướng dẫn thực hiện Quy chế đấu thầu đối với các dự án đầu tư thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Những quy định trước đây của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn trái với thông tư này đều bãi bỏ.

Thông tư này áp dụng cho việc đấu thầu các Dự án đầu tư của các đơn vị thuộc Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Việc đấu thầu các Dự án đầu tư thuộc Tỉnh, Thành phố quản lý, có thể nghiên cứu áp dụng cho phù hợp.

(Kèm theo thông tư này có các phụ lục từ 1 đến 14 để các đơn vị nghiên cứu áp dụng trong từng trường hợp cụ thể)

	Phụ lục 1
--	-----------

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU TƯ VẤN

A Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật: Tối đa 1.000 điểm

TT	Nội dung	Điểm tối đa
I	Kinh nghiệm	200
1	Đã thực hiện gói thầu tương tự về giá trị và nội dung trong vòng 5 năm gần đây	150
	- Để dự thầu dự án nhóm A, nhà thầu cần đã thực hiện từ 10 dự án trở lên.	
	- Để dự thầu dự án nhóm B, nhà thầu cần đã thực hiện từ 5 dự án trở lên	
	- Để dự thầu dự án nhóm C, nhà thầu cần đã thực hiện từ 1 dự án trở lên (kể cả là thầu phụ)	
2	Đã thực hiện gói thầu tương tự về mặt địa lý tự nhiên, kinh tế và xã hội (địa hình, môi trường, điều kiện phát triển kinh tế) trong vòng 5 năm gần đây.	10
3	Các nội dung khác:	40
	- Năng lực nhà thầu:	Tuỳ tính
	+ Có đội ngũ chuyên gia đáp ứng về số lượng và trình độ	chất dự án
	+ Có khả năng tài chính	mà chi tiết

	- Kinh nghiệm quản lý: Có trình độ quản lý hiện tại phù hợp với yêu cầu của gói thầu.	<i>mức điểm cho 4 nội</i>
	- Các hoạt động khác: Đã tham gia lập quy hoạch, thẩm định gói thầu tương tự,....	<i>dung này</i>
	- Chất lượng công tác tư vấn (trong 5 năm gần đây): Có công trình chất lượng cao, được cộng thêm 5 điểm. Ngược lại, có công trình kém chất lượng, nhiều khiếm khuyết bị trừ 5 điểm	
II	Giải pháp và phương pháp luận	300
1	Hiểu rõ mục đích của gói thầu: Hiểu rõ mục đích, yêu cầu của gói thầu đã nêu trong "Điều khoản tham chiếu" và có tổ chức đi thăm địa điểm của dự án.	50
2	Phương pháp luận hoàn chỉnh, hợp lý, khoa học; đáp ứng nội dung trong " Điều khoản tham chiếu " phân tích, đánh giá về mặt liên quan đến gói thầu; nghiên cứu, tính toán và đề xuất về quy mô, giải pháp kỹ thuật, giải pháp thiết kế, biện pháp thi công v..v	120
3	Sáng kiến cải tiến do nhà thầu đề xuất hợp lý và khả thi	30
4	Chương trình công tác : có sơ đồ tổ chức,biểu đồ công tác và lịch bố trí nhân lực hợp lý	20
5	Công lao động (tháng - người) đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu	20
6	Đào tạo và chuyển giao công nghệ: Có nội dung đào tạo, chuyển giao công nghệ rõ ràng và phù hợp với hồ sơ mời thầu (số lượt người được đào tạo, hình thức, thời gian đào tạo, những tài liệu, phần mềm cần chuyển giao ...)	20
7	Phương tiện làm việc: Có yêu cầu hỗ trợ hợp lý với bên mời thầu về chỗ làm việc, trang thiết bị, cán bộ phối hợp, phương tiện đi lại,...	20
8	Cách trình bày khoa học: Rõ ràng, dễ hiểu,hoàn chỉnh.	20
III	Nhân sự	500
1	Chủ nhiệm dự án	<i>Tùy tính</i>
	- Kinh nghiệm chung (10% á 20% tổng số điểm của chức danh): trình độ học vấn, số năm công tác.	<i>chất dự án mà cụ thể</i>
	- Kinh nghiệm có liên quan đến gói thầu (60%á 70% tổng số điểm chức danh): Số lượng gói thầu tương tự đã thực hiện	<i>hoá mức điểm cho</i>
	- Các yếu tố khác: (10% á 20% tổng số điểm chức danh): Kinh nghiệm làm việc ở nước ngoài, ngoại ngữ,	<i>4 nội dung này</i>
	- Biên chế thường xuyên thuộc nhà thầu (5 % tổng số điểm chức danh)	